

Mã đề thi 132

Họ và tên HS: ..... Lớp: .....; Phòng: .....; SBD:

.....

Điểm	Lời phê	Chữ kí giám khảo	Chữ kí giám thị

**BẢNG TRẢ LỜI TRẮC NGHIỆM (Dùng bút chì tô kín một lựa chọn đúng nhất ở mỗi câu tương ứng)**

- |             |             |             |             |
|-------------|-------------|-------------|-------------|
| 01. A B C D | 08. A B C D | 15. A B C D | 22. A B C D |
| 02. A B C D | 09. A B C D | 16. A B C D | 23. A B C D |
| 03. A B C D | 10. A B C D | 17. A B C D | 24. A B C D |
| 04. A B C D | 11. A B C D | 18. A B C D | 25. A B C D |
| 05. A B C D | 12. A B C D | 19. A B C D | 26. A B C D |
| 06. A B C D | 13. A B C D | 20. A B C D | 27. A B C D |
| 07. A B C D | 14. A B C D | 21. A B C D | 28. A B C D |

**Lưu ý: học sinh không được sử dụng bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học**

Cho số hiệu nguyên tử  $Z_O = 8$ ;  $Z_H = 1$ ;  $Z_S = 16$ ;  $Z_{Cl} = 17$ ;  $Z_C = 6$ ;  $Z_{Mg} = 12$

**I. TỰ LUẬN: (3 điểm)**

**Câu 1.** (1,0 điểm) Cho kí hiệu nguyên tử  $^{16}_8O$ .

- a. Hãy cho biết số electron hóa trị của O  
c. Dựa vào liên kết hydrogen hãy so sánh nhiệt độ sôi của nước  $H_2O$  và pentane  $C_5H_{12}$

**Câu 2.** (2,0 điểm)

- a. Biểu diễn sự hình thành liên kết ion trong phân tử  $MgCl_2$   
b. Viết công thức electron, công thức Lewis và công thức cấu tạo của  $H_2SO_4$

**BÀI LÀM**

.....  
.....  
.....  
.....



**Câu 3.** Để đạt cấu hình theo quy tắc octet, nguyên tử của nguyên tố magnesium ( $Z = 12$ ) phải nhường đi

A. 1 electron.

B. 4 electron.

C. 2 electron.

D. 3 electron.

**Câu 4.** Hợp chất nào sau đây có liên kết cộng hoá trị không phân cực?

A. KCl.

B.  $O_2$ .

C. HCl.

D.  $NH_3$ .

**Câu 5.** Cấu hình electron của nguyên tử nguyên tố X có dạng  $1s^2 2s^2 2p^6 3s^2 3p^3$ . Phát biểu nào sau đây là không đúng?

A. X thuộc ô số 15 trong bảng tuần hoàn.

B. X là nguyên tố p.

C. Công thức oxide cao nhất của X là  $X_2O_3$ .

D. X là một phi kim.

**Câu 6.** Trong nguyên tử, lớp electron nào sau đây có mức năng lượng thấp nhất?

A. N.

B. K.

C. M.

D. L.

**Câu 7.** Liên kết cộng hoá trị là liên kết hoá học được hình thành giữa hai nguyên tử bằng

A. một cặp electron góp chung.

B. một electron chung.

C. một hay nhiều cặp electron dùng chung.

D. sự cho - nhận electron.

**Câu 8.** Nguyên tử các nguyên tố nhóm VIIA khi tham gia phản ứng hóa học có khuynh hướng

A. nhường 1 electron

B. nhận 2 electron

C. nhận 1 electron

D. nhường 7 electron

**Câu 9.** Độ âm điện của H và Cl lần lượt là 2,20 và 3,16. Liên kết Cl - H trong phân tử HCl là liên kết

A. cộng hóa trị không cực.

B. cộng hóa trị có cực.

C. ion.

D. cho nhận.

**Câu 10.** Liên kết  $\pi$  là liên kết hình thành do

A. sự xen phủ trực của hai orbital.

B. sự xen phủ bên của hai orbital.

C. cặp electron dùng chung.

D. lực hút tĩnh điện giữa hai ion.

**Câu 11.** Hóa học nghiên cứu về

A. thành phần, cấu trúc, tính chất, sự biến đổi của các chất và các hiện tượng kèm theo.

B. thành phần và cấu trúc của các chất trong cơ thể con người.

C. môi trường sống của con người như đất, nước, biến đổi khí hậu, ...

D. các loại năng lượng tự nhiên nhằm cải thiện chất lượng cuộc sống của con người.

**Câu 12.** Trong một chu kì, theo chiều tăng của điện tích hạt nhân nguyên tử,

A. bán kính nguyên tử và độ âm điện đều giảm.

B. bán kính nguyên tử và độ âm điện đều tăng.

C. bán kính nguyên tử tăng, độ âm điện giảm.

D. bán kính nguyên tử giảm, độ âm điện tăng.

**Câu 13.** Nguyên tử X có 7 electron lớp ngoài cùng. X là nguyên tử của nguyên tố

A. phi kim.

B. hydrogen.

C. khí hiếm.

D. kim loại.

**Câu 14.** Trong các hợp chất sau đây, hợp chất nào có liên kết ion?

A. MgO.

B.  $SO_2$ .

C.  $NH_3$ .

D.  $PCl_3$ .

**Câu 15.** Cấu hình electron nguyên tử iron (Fe):  $[Ar]3d^6 4s^2$ . Fe thuộc nhóm nào trong bảng tuần hoàn?

A. VIIIA.

B. IIA.

C. IIB.

D. VIIIB.

**Câu 16.** Nguyên tố có  $Z=22$  thuộc loại nguyên tố

A. s.

B. f.

C. p.

D. d.

